

1. Xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, các chế độ, chính sách thuộc lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

2. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc ban hành theo thẩm quyền; tổ chức, hướng dẫn thực hiện và chịu trách nhiệm về quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng sau khi được ban hành; theo dõi, tổng hợp kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của các Bộ, ngành và địa phương;

3. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc cử cán bộ, công chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở ngoài nước bằng nguồn ngân sách nhà nước và các nguồn tài trợ khác;

4. Xây dựng chỉ tiêu ngân sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm, trung hạn và dài hạn trình Chính phủ phê duyệt; xây dựng định mức và phân bổ chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng cho các Bộ, ngành và địa phương;

5. Quy định chương trình, kiểm tra, cấp chứng chỉ trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

6. Quy định tiêu chuẩn cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, cơ sở vật chất kỹ thuật; quy định tiêu chuẩn giảng viên;

7. Thanh tra, kiểm tra hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức;

8. Tổ chức các hoạt động thi đua và khen thưởng, kỷ luật.

**Điều 27.** Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức trong phạm vi ngành và địa phương, có trách nhiệm:

1. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ

cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương; thực hiện chế độ báo cáo kết quả hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức hàng năm và kế hoạch năm tiếp theo về Bộ Nội vụ để theo dõi, tổng hợp;

2. Quản lý, xây dựng các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và đội ngũ giảng viên thuộc phạm vi thẩm quyền;

3. Xây dựng và ban hành các chế độ khuyến khích cán bộ, công chức không ngừng học tập nâng cao trình độ và năng lực công tác;

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các chế độ, chính sách đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện những nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 6, Điều 8 và khoản 2 Điều 12 của Quy chế này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ  
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 162/2003/QĐ-TTg ngày 05/8/2003 về bảo lãnh cho các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vay vốn tại các ngân hàng thương mại trong nước.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 12 tháng 12 năm 1997;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Chính phủ không bảo lãnh đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vay vốn ngân hàng thương mại trong nước (cả ngoại tệ và bằng Đồng Việt Nam).

Trường hợp, những dự án nhất thiết cần phải có sự hỗ trợ của Nhà nước mới có thể vay vốn được, như đầu tư sản xuất giấy, phân bón và phôi thép, Thủ tướng Chính phủ sẽ xem xét và giao Bộ Tài chính bảo lãnh ngay trong quyết định đầu tư để chủ dự án vay vốn tại các ngân hàng thương mại trong nước.

Đối với các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư và đã giao Bộ Tài chính bảo lãnh trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì vẫn tiếp tục thực hiện bảo lãnh.

**Điều 2.** Cho phép các ngân hàng thương mại được cho các dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư vay vượt 15% vốn tự có.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

## CÁC BỘ

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

**QUYẾT ĐỊNH** của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông số 139/2003/QĐ-BBCVT ngày 04/8/2003 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của hệ thống tổ chức Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin.

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,  
VIỄN THÔNG

Căn cứ Pháp lệnh Thanh tra ngày 01 tháng 4 năm 1990;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 75/2003/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Chánh Thanh tra Bộ Bưu chính, Viễn thông,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ công tác của hệ thống tổ chức Thanh tra Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin".

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành